

## THỦ TỤC KIỂM SOÁT, SỬ DỤNG LOGO VÀ DẤU CHỨNG NHẬN

02.21 - ST

Ban hành lần 1

Ngày có hiệu lực 09/5/2014

Người biên soạn \_\_\_\_\_

**Võ Tấn Tài**

*Trưởng phòng HCTH*

Người soát xét \_\_\_\_\_

**Trần Văn Nghi**

Phó Giám đốc, Trưởng Ban QLCL

Người phê duyệt \_\_\_\_\_

**Phạm Văn Hùng**

Giám đốc

## **1. Mục đích và phạm vi áp dụng**

- 1.1. Mục đích: Tài liệu này quy định cách thức sử dụng logo và dấu chứng nhận đối với các tổ chức được chứng nhận;
- 1.2. Phạm vi áp dụng: Thủ tục này áp dụng đối với Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 6 (Trung tâm Chất lượng vùng 6) và tất cả các khách hàng được Trung tâm Chất lượng vùng 6 cấp chứng nhận và dấu chứng nhận phù hợp đối với sản phẩm/ nhóm sản phẩm (gọi tắt là sản phẩm) hoặc hệ thống quản lý phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và VietGAP;

## **2. Tài liệu tham chiếu**

- 2.1. Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;
- 2.2. ISO/IEC 17065:2012 - Đánh giá sự phù hợp - Yêu cầu đối với các cơ quan chứng nhận sản phẩm, quy trình và dịch vụ;
- 2.3. ISO/IEC 17021-1:2015 - Đánh giá sự phù hợp - Yêu cầu đối với tổ chức đánh giá và chứng nhận hệ thống quản lý;
- 2.4. ISO 22003-1:2022 - Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm - Yêu cầu đối với các tổ chức đánh giá và chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm.

## **3. Định nghĩa và các từ viết tắt**

- 3.1. CCPT6: Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 6
- 3.2. Biểu tượng của tổ chức chứng nhận (Logo): Biểu tượng của tổ chức chứng nhận sử dụng để giúp cho việc nhận biết tổ chức đó.
- 3.3. Dấu chứng nhận: dấu hiệu của tổ chức chứng nhận cấp cho tổ chức đã được đánh giá, chứng nhận nhằm thể hiện trạng thái đã được chứng nhận của tổ chức đó.

## **4. Trách nhiệm**

Phòng Hành chính tổng hợp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Phòng, Bộ phận trong CCPT6 về việc quản lý, sử dụng logo và dấu chứng nhận.

## **5. Nội dung**

### **5.1. Yêu cầu chung**

- 5.1.1. Logo của CCPT6 được đăng ký bảo hộ tại Cục sở hữu trí tuệ. Mọi hành vi xâm phạm hoặc sử dụng trái phép logo này đều bị xử lý theo quy định của pháp luật;
- 5.1.2. Dấu chứng nhận được CCPT6 cung cấp cho các tổ chức được chứng nhận theo mã số riêng. Các tổ chức này được sử dụng dấu chứng nhận trong phạm vi được chứng nhận;
- 5.1.3. CCPT6 không cho phép tổ chức được chứng nhận sử dụng dấu chứng nhận

nhằm lừa dối khách hàng và gây ảnh hưởng đến uy tín của hoạt động chứng nhận.

## 5.2. Cấp Giấy chứng nhận và Dấu chứng nhận

5.2.1. Mọi tổ chức đã được CCPT6 đánh giá và quyết định cấp chứng nhận (cho sản phẩm hoặc hệ thống quản lý) đối với một tiêu chuẩn/ qui chuẩn cụ thể sẽ được CCPT6 cấp Giấy chứng nhận phù hợp và được phép sử dụng dấu chứng nhận của CCPT6;

5.2.2. Giấy chứng nhận được cấp với các nội dung phù hợp với qui định hiện hành về chứng nhận. Các nội dung tối thiểu phải có trên Giấy chứng nhận gồm:

- a. Tên của tổ chức chứng nhận;
- b. Tên, địa chỉ (địa điểm sản xuất) của tổ chức được chứng nhận;
- c. Lĩnh vực và phạm vi chứng nhận;
- d. Trích dẫn số Quyết định chứng nhận và ngày ban hành;
- e. Tiêu chuẩn, qui chuẩn kỹ thuật hoặc VietGAP liên quan đến lĩnh vực và phạm vi chứng nhận;
- f. Mã số cấp cho tổ chức được chứng nhận (gọi tắt là mã số chứng nhận) được qui định cụ thể tại mục 5.2.3;
- g. Ngày cấp chứng nhận và ngày hết hiệu lực;
- h. Chữ ký của người có thẩm quyền cấp chứng nhận và được đóng dấu CCPT6 để đảm bảo tính hiệu lực và hợp pháp của Giấy chứng nhận.

5.2.3. Mã số chứng nhận:

- a. Mã số chứng nhận VietGAP trồng trọt: VietGAP-TT-13-01-aa-dddd (trong đó aa- mã tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương, dddd- Số thứ tự theo thời gian cấp cho từng tỉnh/ thành phố);
- b. Mã số chứng nhận VietGAP chăn nuôi: VietGAP-CN-13-02-aa-dddd (trong đó aa- mã tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương, dddd- Số thứ tự theo thời gian cấp cho từng tỉnh/ thành phố);
- c. Mã số chứng nhận VietGAP thủy sản: VietGAP-TS-XXXX-aa-dddd (trong đó XXXX- Mã số do Tổng cục Thủy sản cấp, aa- mã tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương, dddd- Số thứ tự theo thời gian cấp cho từng tỉnh/ thành phố);
- d. Mã số chứng nhận Chứng nhận hợp chuẩn: NAFI6-SP(SS)-YYY (trong đó SP- hình thức chứng nhận đối với sản phẩm hợp chuẩn, SS- hình thức chứng nhận đối với hệ thống hợp chuẩn; YYY- Số thứ tự theo thời gian cấp chứng nhận);
- e. Mã số chứng nhận Chứng nhận hợp qui: NAFI6-RP(RS)-YYY (trong đó RP- hình thức chứng nhận đối với sản phẩm hợp qui, RS- hình thức chứng

nhận đối với hệ thống hợp qui; YYY- Số thứ tự theo thời gian cấp chứng nhận);

5.2.4. Tên của Khách hàng đã được chứng nhận sẽ được CCPT6 cập nhật trong danh sách và được công bố công khai trên website của CCPT6.

### 5.3. Mô tả biểu tượng và dấu chứng nhận

5.3.1. Biểu tượng của tổ chức chứng nhận (Logo)

a. Mô tả đặc điểm chính của Logo:

(i) Logo gồm 5 thành phần chính:



- Vòng tròn màu xanh (blue): Chiếc kính lúp cách điệu, biểu tượng cho hoạt động kiểm tra chất lượng;

- Lá màu xanh (green): Thực phẩm nông sản;

- Cá màu xanh biển (blue): Thực phẩm thủy sản;

- Dấu check màu vàng (Yellow): Hoạt động chứng nhận;

- NAFIQPM CENTER 6: Tên tiếng Anh viết tắt của CCPT6;

(ii) Ý nghĩa: NAFIQPM CENTER 6 thực hiện hoạt động thẩm định và chứng nhận chất lượng thực phẩm nông lâm thủy sản.

b. Mô tả cách hiển thị logo:

(iii) Gọi  $w$  là chiều rộng 1 đơn vị, toàn bộ logo CCPT6 nằm trong một diện tích có chiều ngang là  $10w$ , chiều cao là  $10w$ . Diện tích này bao gồm khoảng trống tối thiểu là  $1w$  bên trái,  $1w$  bên phải,  $1w$  bên trên và  $1w$  bên dưới, điều này nhằm đảm bảo cho logo luôn giữ được tính đặc trưng như thiết kế ban đầu (không bị các ký tự hoặc hình ảnh khác xâm lấn có thể làm thay đổi hình ảnh của logo):



(iv) Đường kính tối thiểu của logo không nhỏ hơn 10mm nhằm đảm bảo cho logo luôn rõ ràng và dễ nhận diện;

### 5.3.2. Dấu chứng nhận

#### a. Dấu chứng nhận hợp chuẩn:



NAFI6-SP-001  
TCVN 5603:2023

Dấu chứng nhận gồm 2 phần, phần trên là Logo của CCPT6, phần dưới là ký hiệu gồm AAA-Mã số chứng nhận do CCPT6 cấp và BBB- Tiêu chuẩn tương ứng với sản phẩm hoặc hệ thống đã được CCPT6 cấp chứng nhận hợp chuẩn.

#### b. Dấu chứng nhận hợp qui:



Trong đó: AAA-Mã số chứng nhận do CCPT6 cấp; BBB- Qui chuẩn tương ứng với sản phẩm hoặc hệ thống đã được CCPT6 cấp chứng nhận hợp qui.

### 5.4. Quản lý, sử dụng logo và dấu chứng nhận

- 5.4.1. CCPT6 đăng ký bảo hộ đối với logo dùng làm dấu chứng nhận và điều đó đồng nghĩa với việc chỉ CCPT6 và các tổ chức được CCPT6 cho phép mới được quyền sử dụng chứng nhận này.
- 5.4.2. Khách hàng không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận cũng như dấu chứng nhận. Giấy chứng nhận, dấu chứng nhận không được sử dụng để chủ ý hoặc vô tình gây ra sự hiểu lầm.
- 5.4.3. Việc sử dụng dấu chứng nhận là không bắt buộc đối với tổ chức được chứng nhận, tuy nhiên nếu có sử dụng dấu chứng nhận do CCPT6 cấp, Tổ chức được chứng nhận phải tuân thủ các yêu cầu chung như sau:
  - a. Không được sử dụng Dấu chứng nhận như là biểu tượng, dấu hiệu riêng của mình;
  - b. Không chuyển Giấy và dấu chứng nhận cho bên thứ ba hoặc cho người kế thừa hợp pháp nếu không được phép của CCPT6. Nếu muốn chuyển nhượng thì phải có tờ khai, và khi cần thiết phải tổ chức đánh giá lại;
  - c. Dấu chứng nhận không được sử dụng trên báo cáo thử nghiệm, hiệu chuẩn, giám định;

- d. Dấu chứng nhận có thể được phóng to hoặc thu nhỏ nhưng phải đảm bảo đúng tỉ lệ, kích thước cơ bản của dấu chứng nhận và kích thước tối thiểu không nhỏ hơn 10mm (chiều ngang hoặc chiều cao) nhằm đảm bảo cho dấu chứng nhận luôn rõ ràng và dễ nhận diện;
  - e. Dấu chứng nhận phải đảm bảo không dễ tẩy xóa và không thể bóc ra, gán lại;
  - f. Dấu chứng nhận hoặc được thể hiện (in) đúng màu sắc đã qui định tại mục 5.3. hoặc sử dụng cùng một màu đồng nhất để phù hợp với với những tài liệu, tạp chí, bao bì, ... theo nhu cầu của khách hàng;
- 5.4.4. Sử dụng dấu chứng nhận đối với sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn (gọi tắt là Sản phẩm hợp chuẩn): Tổ chức được chứng nhận chỉ được sử dụng dấu chứng nhận hợp chuẩn cho sản phẩm hợp chuẩn trong phạm vi và lĩnh vực đã được CCPT6 chứng nhận.
- 5.4.5. Sử dụng dấu chứng nhận đối với hệ thống quản lý an toàn thực phẩm phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn (gọi tắt là hệ thống hợp chuẩn, hợp quy):
- a. Tổ chức được chứng nhận chỉ được sử dụng dấu chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy trong phạm vi và lĩnh vực đã được Trung tâm Chất lượng vùng 6 chứng nhận;
  - b. Dấu chứng nhận đối với hệ thống hợp chuẩn, hợp quy không được sử dụng theo những cách có thể gây hiểu lầm là sản phẩm, quá trình, dịch vụ của khách hàng cũng được Trung tâm Chất lượng vùng 6 chứng nhận (trừ trường hợp tổ chức được chứng nhận cả hệ thống quản lý và sản phẩm hợp chuẩn, hợp quy);
  - c. Tổ chức được chứng nhận hệ thống FSMS (HACCP, ISO 22000,...) không được sử dụng bất kỳ tuyên bố nào trên bao bì sản phẩm, cả bao bì chính (chứa sản phẩm) và bất kỳ bao bì bên ngoài hoặc bao bì thứ cấp nào.

## **5.5. Theo dõi, giám sát việc sử dụng dấu chứng nhận**

- 5.5.1. Khi phát hiện tổ chức được chứng nhận có sản phẩm hoặc có hệ thống quản lý đã được CCPT6 chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn/ qui chuẩn kỹ thuật, nhưng tổ chức được chứng nhận đó không tuân thủ các yêu cầu về chứng nhận, sử dụng dấu chứng nhận, CCPT6 sẽ tiến hành biện pháp tạm ngừng, thu hồi hoặc hủy bỏ Giấy và dấu chứng nhận này. Khi đó, Tổ chức được chứng nhận không còn quyền sử dụng bất kỳ hình thức quảng cáo hay bất kỳ sự viện dẫn nào liên quan đến dấu chứng nhận;
- 5.5.2. Thông tin về tạm ngừng cho phép sử dụng, thu hồi hay hủy bỏ chứng nhận cũng sẽ được CCPT6 cập nhật trên trang web của CCPT6;
- 5.5.3. CCPT6 có trách nhiệm thông báo việc thu hồi, hủy bỏ chứng nhận cho Tổ chức đã được CCPT6 chứng nhận nhưng vi phạm những qui định nêu trên và thông báo cho các cơ quan, tổ chức có liên quan./.

**TRANG SỬA ĐỔI, CẬP NHẬT**

<b>Lần soát xét</b>	<b>Trang</b>	<b>Nội dung ban đầu</b>	<b>Nội dung sửa đổi, cập nhật</b>	<b>Ngày soát xét</b>	<b>Ngày có hiệu lực</b>